

Trung Giang Ký Sự – kỳ 20

Hành Vân

Chiều ngày 29 tháng 3, văn phòng Tịnh xá Trung Tâm điện lên hỏi tôi đi Bạc Liêu cúng không? Tôi đang định một, hai ngày nữa sẽ đi Trà Vinh lấy tư liệu viết tiếp bài Trung Giang 20, nên nghe văn phòng hỏi vậy thôi tôi nhận lời đi luôn. Trước khi đi, tôi tranh thủ lên lầu gặp hòa thượng Giác Tường hỏi thêm tên hai sư chưa biết trong tấm hình 37 người chụp ở Ngọc Viên năm xưa. Đã mấy lần bác Trí Phước điện thoại hỏi tôi có biết được tên của hai sư cuối cùng chưa mà tôi vẫn chưa hỏi ra.

Lúc tôi mang tấm hình lên hỏi, hòa thượng liền dừng công việc rồi đi lấy kính ra ngoài sân ngồi trên ghế đá xem hình. Ngài nhớ đâu nói đó, vừa chỉ người này người kia vừa nói tên. Theo lời hòa thượng, tôi biết được thêm rằng Giác Thường là anh ruột của Giác Bình, Chùa Thiền Tịnh bên chung cư Miếu Nổi ở gần Cầu Bông do ngài Giác Hạnh lập. Hòa thượng không nhận thấy mình cũng có trong hình, cũng không nhận ra các vị Giác Vân, Giác Thanh, Giác Hòa... và ngài bảo người đứng giữa Giác Giới với Giác Đức là sư cụ Giác Thủy chứ không phải là Giác Thông. Cho đến lúc trời gần tối, quý sư đang tập trung lên thiền đường tu thiền, hòa thượng mới sực nhớ được thêm một tên: đó là sư Giác Hoa đứng sau sư Giác Giới.

Tôi hỏi lại hòa thượng về lần đi qua Cái Vồn gặp Năm Lửa, Tổ sư đã tự lái xe hay ai lái? Hòa thượng đáp là Tổ sư tự lái chớ. Tôi thưa là bác Giác Hội kể rằng Giác Nghĩa lái xe chớ không phải Tổ sư lái. Hòa thượng nói rằng Giác Nghĩa xuất gia sau hòa thượng, lúc đó đâu có mà lái.

Đến khi xuống phòng, tôi đã điện thoại cho bác Trí Phước. Gặp bác, trước hết tôi cho hay tên sư Giác Hoa vừa biết, rồi nói đến chuyện Tổ sư tự lái xe. Bác Trí Phước khẳng định:

– Bây giờ trò vẫn còn nhớ rõ chuyện lúc đó giống như mới ngày hôm qua vậy sư. Chính một mình trò vác Chơn lý ra xe cho Tổ. Lần đó Giác Nghĩa lái xe, nhưng ông chưa phải là tập sự, mà còn để tóc, chỉ thọ tám giới và mặc đồ nâu thôi. Đúng là về sau ông mới thật xuất gia, mới có pháp danh là Giác Nghĩa.

Khi tôi nói về cụ Giác Thủy, bác Trí Phước cũng khẳng định:

– Sư cụ Giác Thủy già lắm. Cụ nhỏ người, mặt thôn thôn, răng rụng hết trơn, trông móm xòm như bà già. Sư Giác Thông to người hơn, mặt cũng khác hẳn. Hồi đó chính trò hàng ngày đi lấy cơm về cho sư cụ mà, lúc còn ở Ngọc Viên.

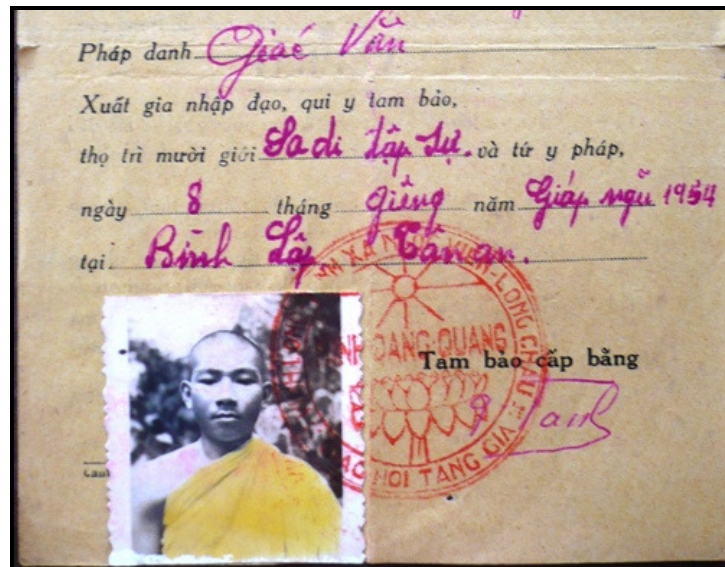
Tôi hỏi:

– Sư cụ Giác Thủy mất năm nào, bác?

– Khi ra rồi trò không để ý, sư.

Và tôi báo tin trưởng lão Giác Vân vừa viên tịch cách đây chín ngày cho bác hay. Bác tiếc là không biết sớm, do tôi cũng quên bẵng... Theo những thông

tin do Ngọc Trung Tăng ở Thốt Nốt cung cấp, thì trưởng lão Giác Vân có thể danh là Trần Văn Đạo, sinh năm 1927, xuất gia mừng 8 tháng Giêng năm Giáp Ngọ 1954, và đến năm 1963 mới thọ giới Tỳ-kheo. Trưởng lão viên tịch lúc 5 giờ 30 phút ngày 29 tháng 2 năm Nhâm Thìn 2012, hưởng thọ 85 tuổi, hạ lạp 49 năm. Sau khi hỏa thiêu, tro cốt của nhục thân trưởng lão đã được đem về thờ tại Tịnh xá Ngọc Trung Tăng.



Chứng điệp thọ giới Sa-di của trưởng lão Giác Vân.

Nghĩ rằng nên tường tận việc ở Cái Vồn năm xưa cho rồi, tôi liền điện thoại qua Mỹ xin số phone của sư Giác Pháp. Với thẻ 1718, giá cước cuộc gọi Việt – Mỹ của mạng Vinaphone hiện nay chỉ tốn 1650 đồng một phút, nên tôi không ngại gì việc gọi qua Mỹ. Đầu tiên, tôi liên lạc với sư huynh Minh Nguyên và được cho hay là bên Atlanta chỗ sư ở không ai có số của sư Giác Pháp đang sống ở bang khác. Thay vào đó, đại đức Minh Nguyên cho tôi số của sư Minh Đạt để tôi hỏi thăm. Ngay cuộc gọi đầu tiên tôi đã gặp được sư Minh Đạt. Hơn ba năm rồi huynh đệ mới có dịp gặp gỡ hỏi thăm nhau nên nghe tiếng sư có vẻ vui lắm. Biết việc tôi đang làm, sư Đạt đã nhiệt tình hỏi thăm giúp và chỉ hơn nửa tiếng sau tôi đã có được số phone của sư Giác Pháp.

Vừa có số, tôi liền gọi ngay mà không nghĩ rằng bây giờ đã hơn 12 giờ khuya, chỉ ít phút nữa phải lên xe đi Bạc Liêu rồi. Tôi gọi, và khi chuông điện thoại reo được ba, bốn hồi thì có người bắt máy, rồi có giọng từ tốn nhỏ nhẹ của một ông cụ cất lên:

– A-lô.

– A-lô, xin cho trò gặp sư Giác Pháp được không?

– Vâng, tôi là sư Giác Pháp đây.

Tôi mừng quá, vội nói:

– Thưa sư, trò ở bên Việt Nam. Hiện nay trò đang viết một cuốn sách về Đạo Phật Khất Sĩ. Trò nghe nói sư hiện là nhân chứng lịch sử duy nhất trong sự

kiện Tổ sư Minh Đăng Quang bị bắt ở Cái Vồn năm 1954. Nên trò đã xin số và phone cho sư để hỏi thăm về chuyện ngày xưa, mong sư hoan hỷ!

Đáp ứng yêu cầu của tôi, sư Giác Pháp đã ôn tồn kể cho tôi biết những câu chuyện không bao giờ phai nhòa trong lòng sư. Sư sinh năm 1940, xuất gia theo Tổ sư Minh Đăng Quang vào ngày rằm tháng Giêng năm 1952, được Tổ đặt pháp danh Giác Pháp và cho theo làm thị giả hầu mấy việc lật vật như mang nước, bưng bát, trải tọa cụ... Thị giả chính của Tổ là Tri sự Giác Như. Sư Giác Pháp theo Tổ được hơn hai năm, đến ngày cuối cùng cùng vào tù với Tổ. Quảng thời gian đó không nhiều, nhưng nhân duyên gần Tổ của sư Pháp nhiều hơn đa số các sư khác. Sau này, cuộc đời tu hành của sư đã bị gián đoạn và mới tiếp tục trở lại thời gian gần đây bên Mỹ.



Sư Giác Pháp, xưa là thị giả nhỏ của Tổ sư Minh Đăng Quang, đã từng bị bắt với Tổ sư vào năm 1954. (Hình sưu tầm tại nhà chạ của sư ở Thốt Nốt.)

Hồi đó, vào sáng ngày mùng 1 tháng 2 năm Giáp Ngọ 1954, lúc khoảng 6 giờ mấy thầy trò dùng điểm tâm tại Tịnh xá Ngọc Quang ở Sa-đéc. Điểm tâm xong, thầy trò lên đường qua Tịnh xá Ngọc Viên ở Vĩnh Long. Mọi người đi bằng chiếc Rờ-nôn bốn chỗ ngồi mà người ta đã cúng cho Tổ. Khi đi cũng đã gần 8 giờ, lái xe là một chú cư sĩ mà sau này xuất gia có pháp danh là Giác Nghĩa. Tổ ngồi phía trước, Tri sự Giác Như và Giác Pháp ngồi phía sau.

Đến Ngọc Viên, Tổ vào tịnh xá cho người vác Chơn lý ra chất lên xe rất nhiều. Chất xong, bốn thầy trò lại lên đường qua Cần Thơ. Bấy giờ thấy Chơn lý chất đầy cả chỗ ngồi của mình, Giác Pháp mới lại bạch với Tổ: “Bạch Sư trưởng, bây giờ con ngồi ở đâu?”. Tổ đang ngồi trên ghé mới xoay lại nhìn phía sau rồi bảo: “Thôi Giác Pháp lên đây ngồi trong lòng sư.”.

Giác Pháp vâng lời lên xe ngồi trong lòng Tổ. Đó là vinh hạnh duy nhất mà Tổ đã cho phép Giác Pháp, ngoài ra chưa ai được như thế. Khi xe chuẩn bị đi thì có sư cụ Giác Thủy đến bạch Tổ: “Bạch Sư trưởng, xin Sư trưởng cho con được về gia đình dưỡng bệnh một thời gian, chớ ở đây không có điều kiện.”.

Năm đó cụ Giác Thủy đã 79 tuổi. Trước kia cụ là một ông giáo thọ bên chùa, vì mến hạnh khát sĩ mà đã xin theo Tổ. Khi cụ bệnh, tịnh xá thời đó thiếu thốn phương tiện y tế, cũng không có ai để chăm sóc đầy đủ cho người bệnh, vì

vậy mà cụ mới xin về nhà một thời gian. Gia đình cụ ở bên Cần Thơ, nên cụ muốn xin được đi theo xe của Tổ qua đó. Bấy giờ Tổ mới nói với cụ Giác Thủy: “Giác Thủy xem, xe còn chỗ nào đâu? Đến Giác Pháp còn phải ngồi trong lòng tôi nè.”. Nhưng vì cụ Giác Thủy vẫn còn muốn đi, nên Tổ mới bảo Tri sự Giác Như ở lại Ngọc Viên để nhường chỗ cho Giác Thủy. Vâng lời Tổ, Tri sự Giác Như bước xuống xe cho sư cụ Giác Thủy lên, sau đó xe lăn bánh.

Theo xe Tổ lần đó còn có xe của bà bác vật Lầu. Xe này do một thanh niên lái thuê, trên xe có tất cả năm bà, toàn là hạng thượng lưu trong xã hội đương thời. Năm bà đó là bà bác vật Lầu, bà Biện Long tức là bà Kim Ngọc, bà Hữu Thành, bà bác sĩ Thiên và bà Tổng trưởng Thuần. Mới năm ngoái, hòa thượng Minh Tuyên có nói với sư Pháp rằng bà Thuần là vợ ông đồng lý văn phòng của một bộ trưởng ở Sài Gòn, không phải là phu nhân bộ trưởng. Điều này không biết đúng hay sai, có dịp phải kiểm chứng lại.

Hai xe chạy qua Cần Thơ. Lúc đến bên phà Cái Vồn, xe dừng lại để đợi phà qua Cần Thơ thì có một ông đại úy dẫn một tiểu đội lính Hòa Hảo đến mời Tổ về dinh Trung tướng Trần Văn Soái, Tổng Tư lệnh Quân đội Hòa Hảo. Bấy giờ người ta có súng ống võ trang nên mình đâu thể làm gì hơn, đành quay xe về Cái Vồn.

Sau này nghĩ lại, sư Pháp đặt ra nghi vấn làm sao người ta biết được lộ trình của Tổ? Trong hai xe đi 10 người, được biết tài xế của bà bác vật Lầu là người Hòa Hảo. Nhưng cũng không chắc do chú tài xế đó mà họ biết.

Khi đến Cái Vồn, vào doanh trại của Năm Lửa, lúc đó đã trưa nên mấy bà thỉnh Tổ thọ trai. Tổ đồng ý, Giác Pháp với mấy bà Phật tử mới lo xớt bát cúng dường Tổ...

Đang kể tới đó thì sư Khải lại gần ra hiệu lên xe đi, tôi lên ghé trước ngồi với sư Đoan, tiếng máy xe ồn quá đành phải hẹn khi khác sẽ gặp lại sư Giác Pháp. Đêm hôm sau, lúc ở Tịnh xá Ngọc Vân, tôi tiếp tục liên lạc với sư Giác Pháp bên Mỹ. Sư bắt điện thoại, sau khi chào hỏi liền đi ngay vào chuyện chính:

– Bấy giờ sư cần gì? Mà có cần lắm không?

Tôi đáp:

– Dạ rất cần.

– Vậy thì bây giờ trò nói, những gì biết thì nói là biết, những gì nghe kể lại thì nói là nghe kể lại, không rõ thì nói là không rõ. Bây giờ sư muốn hỏi gì?

– Điều trò quan tâm đầu tiên là sự kiện ở Cái Vồn năm 1954, tức cách đây 58 năm, thưa sư.

– Sư muốn nghe tiếp câu chuyện hôm qua à?

– Dạ đúng rồi.

– OK.

Rồi sư Giác Pháp tiếp tục kể...

Hôm đó ăn cơm xong khoảng 12 giờ hay 12 giờ hơn gì đó, vì lúc đó Giác Pháp không có mang đồng hồ, chỉ đoán chừng thôi. Ăn xong, chúng dẫn Tổ và mọi người đi bằng qua một phòng điều tra rồi từ cửa bên hông đi vào tù. Khi bước vô gặp một dãy nhà tù, có ba căn, phố liền vách. Căn thứ nhất là khám số 1 nhốt tù thường. Khám số 2 nhốt tù chính trị. Theo cách nói của người Hòa Hảo thì tù chính trị là những người Việt Minh bị họ bắt. Nghe nói giữa Việt Minh với Hòa Hảo có mối thù lớn gì đó... Tới khám số 3 là khám nhốt tù Hòa Hảo, mấy ông lính nào đi ăn cướp, ăn trộm, hiếp đáp dân chúng thì bị bắt nhốt ở đây. Năm bà Phật tử được đưa vô phòng số 1. Còn hai ông tài xế, Tổ, Giác Pháp và Giác Thủy thì đưa vô phòng số 3.

Vô phòng thấy có người bị còng, có người không bị. Còng trong tù Hòa Hảo không giống với còng thường thấy. Nó cách tường chừng 1 thước, đầu đằng kia có một trụ gỗ lim, đầu đằng này có một trụ gỗ lim. Có một cây sắt dài, đầu kia có khoen giữ cây sắt lại, đầu này để xỏ qua mấy cái cùm cổ chân rồi khóa lại, cách đất chừng 3 tấc.

Ba vách phòng có ba dãy còng, nhưng không phải ai bị nhốt vô phòng đó cũng bị còng, có lẽ những người tội nặng mới bị còng. Nhưng không biết họ xác định mình là loại người nào mà cũng bị còng. Tuốt đầu kia đã có một dãy người, ba người cuối cùng là sư Giác Thủy, Giác Pháp và Tổ ở ngoài cùng. Tổ có đứng dậy hỏi ông đại úy đó rằng: “Xin ông vui lòng cho chúng tôi biết lý do nào ông giữ chúng tôi lại đây?”. Ông đại úy đáp: “Chúng tôi chỉ theo lệnh ông Năm, chúng tôi không biết gì cả. Tuy nhiên, trong mấy tháng qua, các ông đã làm gì ở Sài Gòn thì tự biết!”. Thật ra trong mấy tháng qua Tổ dẫn Đoàn Du Tăng Khất Sĩ đi hành đạo ở Sài Gòn, bây giờ còn có những tấm hình chụp ở Vườn Bờ-rô đó, và Vườn Bà Lớn trên đường Phan Đình Phùng, nằm phía sau mấy dãy phố. Chỉ đi hành đạo chứ Tổ có làm gì? Nhưng ông đại úy nói vậy rồi đi ra.

Sư Giác Pháp còn nhớ chuyến đi từ Sài Gòn về Tân An, xuống Trung Lương, qua Bắc Mỹ Thuận rồi đi ngõ Cần Thơ, thầy trò có ghé Tịnh xá Ngọc Minh, xong lên Ngọc Trung Ni ở Thốt Nốt. Rồi trước khi từ Thốt Nốt lên Long Xuyên, có một người nào đó đã nói với Tổ là trên đường đi có một người muốn thăm Tổ, người đó là ông Bảy Dẫn, một trong những đại đệ tử của ngài Huỳnh Phú Sổ. Ông Bảy Dẫn thuộc hàng đệ tử khác với Năm Lửa, Ba Cụt, Hai Ngoán, Hai Ngộ... ông cũng không nổi tiếng bằng Thanh Sĩ.



Thanh Sĩ – người thay thế ngài Huỳnh Giáo chủ hoằng pháp.

Khi xe chạy được nửa đường, không nhớ chỗ đó là Chợ Muối hay chỗ nào đó, có một người mặc đồ nâu, tóc xõa ngang vai theo kiểu của ngài Huỳnh Phú Sổ ra đón. Tổ bảo xe dừng lại, bước xuống nói chuyện với người đó, tức là ông Bảy Dẫn. Ông Bảy Dẫn cung kính Tổ như cung kính thầy mình vậy. Không biết hai người nói chuyện gì đó rồi Tổ lên xe đi tiếp.

Trong thời gian Tổ hành đạo ở miền Tây, có rất nhiều người mến mộ Tổ, có cả nhiều người gốc Hòa Hảo. Nhưng mà Tổ có nói rõ mình là người thừa Như Lai sứ tác Như Lai sự, ai muốn quy y thì Tổ cho quy y, không nhất thiết phải xem Tổ là người thầy duy nhất. Quy y rồi, muốn học với ai thì học, muốn tu ở đâu thì tu, không có ràng buộc. Sư Giác Pháp nhớ là trên xe của Tổ hai bên có hai hàng chữ in màu đỏ, trong đó còn nhớ được một câu: “KHÔNG THU NHẬN TÍN ĐỒ BỒN ĐẠO”. Chính Tổ hay nói: “Quý Phật tử không nhất thiết phải theo tôi mà không được theo những thầy khác. Quý vị ở đời đi học cũng phải lên lớp, cũng phải thay đổi thầy cô, chớ theo một thầy hoài làm sao học nhiều được.”.

Có những tín đồ Hòa Hảo theo Tổ. Như sư Giác Bảo ở Vĩnh Long, do gốc là người Hòa Hảo, nên khi xuất gia rồi, lúc thuyết pháp sư hay dẫn sám giảng của ngài Huỳnh Giáo chủ, của Phật Thầy Tây An, của ông Phật Trùm... Trong *114 Điều Luật*, câu số 2, số 3 gì đó, Tổ có cấm nói thiên cơ, sám giảng. Cho nên có mấy lần Tổ kêu sư Giác Bảo lên rầy. Lúc đầu sư còn sửa, nhưng rồi sư chứng nào tật nấy, nên Tổ **thu lại y bát**, cho sư về. Sau đó, sư Giác Bảo có lúc mặc đồ nâu, có lúc mặc đồ vàng, nhưng vẫn cung kính Tổ chớ không có oán hận gì.

Một trong những nguyên nhân Tổ bị Năm Lửa bắt **có lẽ là do vấn đề tín đồ bồn đạo**. Tuy Tổ không thu nhận tín đồ của đạo khác, nhưng ai có thiện

tâm theo Phật pháp thì Tổ đều cho quy y thọ giới. Ngài cho thọ giới rồi dặn rõ ràng cho họ như vậy...

Lại nói về chuyến xe của Tổ lần đó, lúc ghé Thốt Nốt đã có ông ký Chiêu theo. Rồi thay vì ghé Tịnh xá Ngọc Long ở Long Xuyên, xe Tổ đi thẳng về Châu Đốc, còn xe năm bà Phật tử không theo, họ đi về Tịnh xá Ngọc Long trước, chờ Tổ ở đó. Đến chân núi Cẩm, Tri sự Như, Giác Pháp, tài xế Giác Nghĩa và ông ký Chiêu ở đó chờ, một mình Tổ lên núi rồi xuống, xe quay về Tịnh xá Ngọc Long nghỉ một đêm. Hôm sau, 28, 29 gị đó, đoàn xe về Sa Đéc ở mấy ngày.

Đêm 30 Tổ họp Tăng ở cái nền đất mới đắp trong Tịnh xá Ngọc Quang để phân công một số việc. Thường ngày theo Tổ, Tri sự Như ngồi một bên, Giác Pháp ngồi một bên, nhưng hôm đó ngồi chưa bao lâu Giác Pháp đã bạch: “Bạch Sư trưởng, con buồn ngủ quá, xin cho con về cốc ngủ.”. Tổ nói: “Thôi con về ngủ đi.”. Giác Pháp về ngủ, nên phần sau cuộc họp chỉ nghe thuật lại.

Lần đó Tổ nói với chư Tăng là ngài muốn đi tu tịnh. Trong quý sư cũng có hỏi là Sư trưởng đi chỗ nào, xin cho biết để thỉnh thoảng tới thăm hay gặp những điều gì trong giáo hội không giải quyết được thì chúng con đến thỉnh ý Sư trưởng... Tổ mới nói là tôi muốn lên núi tu, mà chỗ đó khó khăn lắm, các sư không tới được đâu. Quý sư hỏi nhiều lần, Tổ mới nói núi đó là núi lửa. Quý sư không nghĩ rằng Tổ tiết lộ chuyện sắp xảy ra cho biết. Đến khi Tổ bị bắt rồi, thì quý sư mới biết chỗ đó không phải ai cũng tới được.

Giác Pháp còn nhớ rõ, Tổ phương phi, tay chân đầy đặn, nên bị còng vừa khít chân. Còn Giác Pháp ốm, nhỏ, nên chỗ còng lỏng lẻo. Lúc đó Giác Pháp lượm gói thuốc lá (*hồi đó người ta hay hút Bát-tô trắng hay đỏ*), xé ra, xếp lại nói: “Bạch Sư trưởng, để con chêm miếng giấy cho Sư trưởng khỏi bị trầy da.”... Sáng hôm sau lính mở khám, ánh mặt trời rọi xéo vào, bọn lính vào mở còng mời Tổ ra. Từ đó cho đến ngày về và cho đến mãi sau này, Giác Pháp không còn được gặp Tổ nữa!

Chợt nhớ một điều, sư Pháp liền bổ sung:

– Có một chi tiết quên nói: Sau này được biết, khi bắt vô khám, chỉ mấy tiếng sau là bốn trong năm bà đã được Văn phòng Bộ trưởng Thuần ở Sài Gòn điện xuống bảo lãnh, nên Năm Lửa thả liền bốn bà.

– Vậy là bốn bà được thả liền?

– Bốn bà được thả liền, còn giữ bà bác vật Lầu, tài xế của bà với Giác Nghĩa. Khoảng ba ngày sau họ cũng được thả ra.

Và câu chuyện lại được tiếp diễn thế này:

Vào sáng mùng 2 Tổ bị đưa đi, Giác Pháp có nghe trong tù nói là đêm khuya mà người ta đưa ra ngoài thì sẽ không bao giờ còn trở lại. Tức là bị bắn rồi cho “mò tôm”, cho thả xác xuống sông luôn. Đến đêm mùng 2 rạng mùng 3, chắc khoảng 2, 3 giờ khuya, có hai thằng lính mang súng vào kéo Giác Pháp với sư Thủy ra. Giác Pháp nghĩ bụng: “Kiểu này chắc bọn nó đưa mình đi mò

tôm!”. Hai thằng lính thả cho sư Thủy một bộ đồ bà Ba, màu trắng xám dơ, cũng đã sờn vai rách gấu rồi, nói: “Ông mặc cái đồ này đi, cởi bộ đồ đang mặc ra!”. Sư cụ Thủy nói: “Tôi tu, tôi phải mặc đồ này, đâu có mặc đồ đời được?”. Một thằng lính động báng súng xuống nền cái rằm, hỏi: “Ông có thay không?”. Sư Thủy mới hoảng, cởi y thay liền. Còn Giác Pháp được một cái quần xà-lỏn, nó là một cái quần dài đã rách mất hai ống rồi. Giác Pháp nghĩ bụng: “Chắc nó định đem mình đi bán, sợ mang tiếng giết người tu nên bắt mặc đồ đời.”. Nhưng thay đồ xong thì bọn lính kéo hai người còng chân trở lại. Có điều, nếu lúc trước còng có một chân, thì bây giờ còng cả hai chân.

Khi bị còng, người ta tiêu tiêu tại chỗ. Trong phòng giam có để mấy cái hủ đựng đường, cao cỡ năm, sáu tấc, rộng cỡ hai tấc rưỡi. Hể tù nhân nào mắc thì kéo cái hủ lại, giở miếng gạch Tàu đập trên miệng hủ ra, ngồi lên mà tiêu tiêu, xong đập lại. Bọn lính cũng để y nguyên chớ không đổi.

Lúc bị còng cả hai chân, sư cụ Thủy mới nói: “Mấy ông ơi, ở đây người ta cướp của giết người mà mấy ông còng có một cẳng. Còn tôi tu hành, cũng đã già gần 80 tuổi, chú này mới 14, 15 tuổi, có tội gì mà phải còng cả hai chân?”. Tên lính mới đổi giọng nói: “Ông ngoại ơi, tui cháu làm theo lệnh ông Năm chớ có biết gì đâu. Ông Năm truyền lệnh xuống bảo còng hai chân chớ để mấy ông biến mất!”. Nghe tên lính nói, Giác Pháp nghĩ bụng: “Tui mà biến được, dù mấy ông có còng cỡ nào tui cũng biến đi, chớ đừng nói là hai chân!”.¹

Ngày hôm sau, không biết sao mà lính chuyển sư Thủy với Giác Pháp qua phòng số 2, phòng tù chính trị. Trong phòng đó có một dãy còng gọi là còng tử. Người nào bị còng tử thì phải còng cả hai chân, không được ra ngoài dù là để tắm rửa, tới giờ có lính mang cơm cho ăn. Còn những người khác thì đến giờ được mở còng ra ngoài ăn, đến lúc tắm được ra ngoài tắm. Tù nhân ở đó mỗi tuần được tắm một lần. Mang tiếng là tắm mà mấy trăm người chỉ có một hồ nước nhỏ, nên mỗi người chỉ được xối một, hai ca nước cho mát rồi chạy vô thôi.

Hôm sau, tức là ngày thứ tư kể từ ngày bị bắt, Giác Pháp nghe lính nói với nhau là có bắt tám ông sư đi thăm thầy nhốt vô phòng số 1. Đó là tám sư Hoảng, Tôn, Nguyên, Giới, Lập, Thường, Duyên, An.

Khoảng cuối tháng 2 âm lịch, một bữa sư Thủy mệt quá ngất đi. Lính trực mới điện lên tư dinh Năm Lửa cho biết. Năm Lửa cho phép, lính mới mở cửa đưa sư Thủy với Giác Pháp ra ngồi ngoài cửa. Lúc đến giờ cơm, ăn xong, lính lừa hết tù nhân vào rồi, đến sư Thủy thì sư không chịu vô nữa. Sư cụ nói: “Mấy ông bắn cho tui chết tại đây đi, chớ vô đó tui cũng chết! Dù sao tui cũng đã 7, 8 chục tuổi rồi, vô lại cái nhà lúc nhúc người vậy tui chịu không nổi.”. Bọn lính nói cách nào sư Thủy cũng không chịu, cuối cùng phải điện lên hỏi Năm Lửa, Năm Lửa bảo thôi cho hai ông đó qua phòng số 1 đi, phòng tù không còng.

¹ Năm Lửa đã có tâm lý đề phòng, cũng là đã liệu rồi, nếu không bắt được có thể sẽ sanh chuyện không hay.

Hai người được đưa qua phòng 1, lúc đó tám sư đi lao động ở ngoài chưa về. Đến chiều, tám sư về, huynh đệ mới gặp lại nhau sau một tháng bị giam cầm. Từ bữa đó, 10 huynh đệ bị **giam chung thêm một tháng**. Đến khi sư Thủy và Giác Pháp được thả ra, thì tám sư còn bị giam hơn một tháng sau mới được về.

Lúc thả ra, hai người một già một trẻ có đồng nào trong túi. Hai người hỏi đường đi, người ta chỉ đường, ra đón được xe cho quá giang về Vĩnh Long, vào tới tịnh xá ai cũng tưởng là hai ông cháu đi xin ăn! Ngày Giác Pháp về là 30 tháng 3 âm lịch, tính ra bị giam hai tháng. Giác Pháp về, dắt sư Giác Thủy đi qua mương vào cái nhà dài ở Ngọc Viên, lúc đó Phật tử đang đọc kinh cúng hội. Bà Thủy, bà hộ pháp ở Ngọc Viên, nhìn ra thấy nên nói với mấy bà Phật tử: “Có hai ông ăn xin đi vô, bà nào có tiền ra cho mấy ông đi.”. Bởi hai tháng không cạo tóc, không tắm rửa, mặc đồ đời rách te tua, nên Phật tử nhìn tưởng vậy. Giác Pháp vào tới một phần ba cầu thì mấy bà đã ra đưa tiền. Giác Pháp nhìn mấy bà chứ không nói. Thoáng chốc họ liền nhận ra, kêu lên: “Mấy bà ơi, sư Thủy với Giác Pháp về rồi nè!”. Mấy Phật tử bỏ cúng hội chạy ùa ra.

Đến khi huynh đệ đã được thả về hết rồi, có một lần Giác Hoằng kêu Giác Pháp ra cái mộ đầu tịnh xá nói: “Giác Pháp biết không, lúc Giác Thủy với Giác Pháp đã về đúng một tuần lễ, ông Năm Lửa đích thân xuống nhà tù lột lon ông Đại úy xét khám và ông Trung úy phó xét khám tổng giam vô phòng số 1...”.

Quý sư do hàng ngày đi làm bên ngoài, nên biết Tổ bị nhốt trong một cái khám cát-sô. Đó là khám biệt giam, tường dày tới 40 phân, cửa sắt, chỉ nhốt một, hai người. Quý sư biết điều đó, nên giờ cơm thường ngồi ở cái hướng mà người ta mở cửa khám đưa cơm thì mình sẽ nhìn thấy được phía trong. Do khám nhỏ, nên nhìn đúng hướng cửa là sẽ thấy được người bên trong. Quý sư đã mấy lần thấy Tổ.

Lý do mà hai ông Đại úy xét khám và Trung úy phó xét khám bị Năm Lửa lột lon, tổng giam là do đã để mất một tù nhân quan trọng, tức là ngài Minh Đăng Quang. Theo lời sư Hoằng kể, hai người đó lúc làm cai rất hống hách, nhưng khi mất chức, bị tù rồi thì họ cụp râu. Cho nên chiều ăn cơm xong, sư Hoằng mới lân la lại hỏi: “Thưa Đại úy, biến cố xảy ra vậy có phải do ông thả thầy tôi hay không?”. Ông Đại úy xét khám nói: “Nói thật với mấy ông, tôi có ăn gan hùm, uống mật gấu cũng không dám thả! Chìa khóa chỉ có mình tôi giữ, lúc nào cũng đeo trong người. **Khi thầy mấy ông mất, trong đó có một ông già nữa cũng mất luôn.** Cái tường 40 phân có khoét một lỗ thông hơi, lỗ đó đến đũa con nít chui cũng không lọt! Nhưng còng, khóa đều còn nguyên, cửa vẫn khóa, không biết cách nào hai ông biến mất?”. Đó là những lời sư Hoằng đã thuật lại với Giác Pháp hôm đó.

Sư cụ Giác Tôn đã lược bỏ việc 10 huynh đệ bị giam chung một tháng và việc các sư thấy Tổ trong cát-sô. Sư có ý gì khi làm thế? Có dịp tôi sẽ hỏi lại cụ việc này. Về ngày Tổ biến mất đó, theo *Lịch Vạn Niên* thì ngày **mùng 7 tháng 4 năm Giáp Ngọ 1954** nhằm ngày **9 tháng 5 năm 1954**. Trong thời điểm bấy

giờ, tại Việt Nam và thế giới có mấy sự kiện trọng đại đã xảy ra: đó là Pháp bị bại trận tại Điện Biên Phủ vào ngày 7 tháng 5, và Hội nghị Genève tại Thụy Sĩ chính thức bàn về vấn đề Đông Dương vào ngày 8 tháng 5.² Cứ ghi nhận như vậy đã, bây giờ hãy quay lại câu chuyện của sư Giác Pháp.

Bà Kim Ngọc ở Vĩnh Long, một trong năm bà trên chuyến xe theo Tổ vô tù ngày xưa, là một trong những người rất tôn sùng tài ăn nói văn chương của sư Giác Hoằng. Thời đó, sau khi Tổ vắng bóng, người thuyết pháp trong Tăng đoàn là sư Giác Hoằng. Như việc sư sưu tầm và tìm tòi để viết thành tác phẩm *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* đã cho thấy khả năng văn chương của sư cũng khá. Về sau, sư Giác Pháp có nghe bà Kim Ngọc kể:

– Sau khi ông Diệm về nước, ông giải tán hết mấy nhóm có vũ trang. Bên Cao Đài, ông giải tán lực lượng của trung tướng Trịnh Minh Thế, người sau này bị chết trận tại Cầu Chữ Y lúc dẹp loạn Bình Xuyên, với vết đạn bắn từ sau trở ra trước (*phe nhà bắn*). Bên Hòa Hảo, ông giải tán các lực lượng của Trần Văn Soái (*Năm Lửa*), Lê Quang Vinh (*Ba Cụt*), Lâm Thành Nguyên (*Hai Ngoán*) ở Châu Đốc... Mấy nhóm này là hậu thân của Đảng Dân Xã do ngài Huỳnh Phú Sổ lập, có vũ trang (*trang bị vũ khí*). Sở dĩ Pháp để mấy đảng phái này tồn tại là vì nó muốn kềm chế sự phát triển và nổi dậy của Việt Minh.

Khi ông Diệm giải tán các đảng phái thì Năm Lửa đầu hàng, Hai Ngoán đầu hàng, nhưng Ba Cụt không đầu hàng. Không đầu hàng, Ba Cụt đã bị bắt trong Chiến dịch Nguyễn Huệ do đại tá Dương Văn Minh hành quân, rồi bị xử chém tại sân vận động Cần Thơ. Còn Năm Lửa cuối đời bị ung thư.

Năm Lửa cuối đời bị ung thư, nằm ở bệnh viện mà bây giờ là bệnh viện Đồn Đất tại Sài Gòn. Mấy bà nghe tin mới đến thăm. Đến gặp Năm Lửa, mấy bà hỏi: “Ông Năm còn nhớ ngày đó, tháng đó, ông Năm có bắt giữ một thầy tu, một sư già với một chú tiểu, và cả chúng tôi nữa, ông còn nhớ không?”. Ông Năm Lửa đáp: “Tôi nhớ có bắt giữ ông Minh Đăng Quang với mấy bà.”. Mấy bà hỏi Năm Lửa: “Từ đó tới nay, chúng tôi vẫn trông thầy mà bóng thầy vẫn bật vô âm tín. Có nhiều người nói là thầy tôi bị bắn, bị giết, bị thả trôi sông... mấy chuyện đó có không?”. Năm Lửa nói: “Tôi xác nhận là có bắt mà không có giết.” – “Vậy thầy chúng tôi đâu?” – “Thật sự là tôi có bắt, tôi không giết và tôi cũng không có thả.” – “Ông nói vậy, xin lỗi ông, một đứa con nít cũng không tin được!”. Năm Lửa mới nói: “Tôi nói thật với mấy bà. Tôi đã mang bệnh này rồi, tôi sống nay chết mai, đâu có sợ mấy bà trả thù nữa! Bây giờ mấy bà tin, không tin thì tùy.”...

Sư Giác Pháp nhận định:

² Hội nghị Genève tại thành phố Genève của Thụy Sĩ, là một hội nghị quốc tế giải quyết về vấn đề Chiến tranh Đông Dương, khai mạc ngày 26/4/1954, kết thúc ngày 21/7/1954. Sau ngày kết thúc, vĩ tuyến 17 – sông Bến Hải trở thành giới tuyến quân sự tạm thời giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (*miền Bắc*) và Quốc gia Việt Nam (*miền Trung và Nam*) để chờ ngày tổng tuyển cử toàn quốc.

– Liên hệ hai việc, lời kể của sư Giác Hoàng với lời khẳng định của Năm Lửa, mình thấy sự biến mất của Tổ thật bí ẩn! Riêng trò không dám kết luận thế nào, nhưng xin kể cho sư nghe một vài chuyện khác để mình nhận định.

Lúc Tổ đi hành đạo mới 23 tuổi. Mỗi khi Tổ thuyết pháp, người ta đến nghe rất đông. Sau Tịnh xá Ngọc Quang hỏi đó có lăng ông Thống chế, bây giờ không biết còn không?

– Vừa rồi nhà nước đã bồi thường cho gia đình rồi cho san bằng hết, chuẩn bị mở một con đường ngay sát hông Tịnh xá Ngọc Quang.

– Vậy hả? Thời Tổ đi hành đạo ở miền Nam, thời đó Việt Minh đang nổi dậy, nên chính quyền Pháp có một cơ quan tương đương Cảnh sát chìm trước 75, sau 75 gọi là Công an chìm...

Tôi nhắc:

– Cơ quan Phòng Nhì.³

– À, Deuxième Bureau đó. Bọn nó theo dõi Tổ, nhưng không trực tiếp làm mà nhờ ông Hội đồng Điền, một ông hội đồng cũng có thế lực lắm. Ông Điền theo dõi xem Tổ có làm Cách mạng, sách động quần chúng không? Vợ ông Hội đồng Điền sau này quy y theo Tổ, thọ tám giới mặc đồ nâu tu, pháp danh là Từ Ngọc. Một người bạn rất thân của ông Hội đồng Điền là Năm Cầm, sau cũng có quy y theo Tổ.

Lần đó Tổ thuyết pháp, ông Điền dẫn đàn em đến, dặn: “Tao lên ngồi phía trước, bọn bây ngồi lại phía sau, hễ thấy tao ra dấu thì lên cùng ông lại cho tao!”. Bọn đàn em hỏi: “Ra dấu kiểu nào?”. – “Khi nào tao lấy tay vuốt đầu từ trước ra sau thì bây lên cùng ông!”

Hỏi đó, mỗi khi thuyết pháp xong Tổ hay hỏi: “Quý Phật tử, quý bà con nghe tôi thuyết pháp có hiểu không, có chỗ nào không rõ cần tôi nói lại không?”. Lần đó khi Tổ hỏi vậy, ông Điền mới giơ tay xin hỏi. Chính ông kể lại với trò là lúc đó định hỏi Tổ mấy câu chính trị, nếu Tổ nói có dính dáng một chút thì bắt liền. Nhưng khi giơ tay rồi, ngược đầu lên thì ông Điền không thấy Tổ nữa mà thấy một ông già râu tóc bạc phơ, tiên phong đạo cốt đang ngồi trên đó. Ông mới dụi mắt, chẳng lẽ mình hoa mắt, ông sư hai mấy tuổi khi này đâu? Nghĩ mắt mình bị sao, ông ra sân lấy nước rửa.

Hồi xưa, trước mỗi nhà ở miền Nam đều có một lu nước mưa, có nắp đậy đàng hoàng, trên lu có một gáo dừa để ai khát thì múc uống, kể cả mấy người đi ngang đường. Ông Hội đồng Điền ra múc nước mưa rửa mặt rồi, xem lại vẫn thấy một ông già râu tóc bạc phơ đang thao thao thuyết pháp. Ông mới tháo kiếng chùi, đeo vào vẫn còn thấy như vậy. Lúc này mình thấy ông đều mọc gai ốc! Nên ông quên mất điều định hỏi mà vào xin quy y thọ giới. Lúc Tổ đã truyền Tam quy ngũ giới và đặt pháp danh xong, ông ta lễ tạ Tổ, ngẩng lên nhìn thì lại thấy ngài là một ông sư trẻ! Chuyện này ông Điền cứ thắc mắc hoài.

³ Phòng Nhì là Phòng thứ II, một tổ chức tình báo quân sự chiến lược thuộc Bộ Quốc Phòng Pháp, hoạt động ở các nước đối địch và các thuộc địa của Pháp, được bố trí khắp các quân chủng Hải, Lục và Không quân Pháp.

Rồi Tổ đi hành đạo một vòng, đến khoảng nửa năm sau thì quay lại Sa-đéc. Tổ về lần đó, ông Hội đồng Điền vận động bà con, họ hàng mua miếng đất sau lãng ông Thống chế cúng cho Tổ, cất lên Tịnh xá Ngọc Quang. Tịnh xá Khất Sĩ mình có bốn cái bánh ú nhô lên trên bốn vách xéo ở chánh điện là do hai ông Hội đồng Điền và Năm Cầm chế ra đó.

– Như vậy Ngọc Quang là tịnh xá đầu tiên có nóc bánh ú?

– Ngọc Quang là đầu tiên đó. Mấy tịnh xá khác thấy cũng đẹp mới làm theo. Đến khi làm xong tịnh xá, Tổ về chứng minh, ông mới hỏi: “Bạch đại đức, người tu có khi nào hiển lộ thần thông không?”. Tổ vừa cười vừa nói: “Có chớ ông! Đôi khi phải hiển lộ thần thông để độ mấy người cứng đầu chớ ông!”. Đó là lời ông Hội đồng Điền kể lại với trò.



Tịnh xá ngày xưa với bốn nóc bánh ú trên tám mái.

Và kể một câu chuyện nữa để làm sáng tỏ sự kiện Tổ biến mất trong tù. Hồi đó, ai cũng biết bốn hãng xe đồ lớn nhất chạy tuyến Sài Gòn – Lục Tỉnh là Đại Đồng, Thiên Sanh, Thiên Hòa và Nhơn Hòa. Về sau có thêm hãng Tam Hữu. Khi Tổ về Cần Thơ thuyết pháp, lúc đó chưa có tịnh xá. Sau này trò có nghe Phật tử Thiện Minh, chủ hãng xe Nhơn Hòa, kể lại chuyện của chính ông. Lần đó Tổ về Cần Thơ thuyết pháp, vợ của Thiện Minh có đến nghe. Khi thuyết xong, Tổ hỏi: “Các Phật tử nghe pháp có hiểu không? Có chỗ nào thắc mắc không?”. Có một số Phật tử đã hỏi, Tổ giải đáp rồi. Sau đó, một số ra về, một số còn ở lại. Lúc đó, vợ Thiện Minh lên lạy Tổ, nói: “Bạch đại đức, con khổ lắm! Chồng con theo bạn bè chơi, bây giờ bị nghiện thuốc phiện rồi. Đại đức cũng biết đó, người ta nói thuốc phiện là vàng đen mà, đâu có tiền bạc nào chịu nổi. Bây giờ, con không biết hãng xe đồ của con sập tiệm lúc nào nữa! Con khổ lắm, đại đức ơi!”. Tổ mới nói với cô: “Mai tôi còn ở đây, bà có vô nghe pháp thì nói chồng nhớ theo vô để gặp tôi.”. Không biết bà về nói cách nào mà ông cũng chịu vô.

Hôm sau, thuyết pháp xong, Phật tử cũng tuần tự hỏi, Tổ giải đáp rồi, đến hai vợ chồng chủ hãng xe Nhơn Hòa lên. Ông chồng thưa: “Bạch đại đức, thật ra nghề của con phải giao thiệp, cũng phải hút thuốc, uống rượu với người ta thì mới có mỗi làm ăn. Nhưng con không ngờ lại bị vướng bệnh ghiền lúc nào

không hay. Bây giờ con đã dùng nhiều cách cai nghiện, tốn kém lắm mà chưa trị được bệnh này. Khi lên cơn nó vật vã lắm, chịu không được!”. Tổ mới hỏi nhẹ nhàng: “Vậy ông có muốn hết bệnh ghiền không?”. Ông chủ hãng xe Nhon Hòa nói liền: “Bạch đại đức, con muốn hết lắm chứ!”. Nói vậy, mà trong bụng ông ta nghĩ thầm: “Mình tốn bao nhiêu tiền cũng không hết được, chẳng lẽ ông sư này có cách nào hay sao?”. Tổ vẫn nhẹ nhàng hỏi tiếp: “Ông có đồng ý cho bệnh ghiền của ông cho tôi không?”. Ông ta có trả lời là: “Nếu đại đức nhận thì con cho.”. Tổ mới quay qua nói với bà vợ ông ta: “Có bà làm chứng nghe, ông nói cho tôi rồi, không có đòi lại nghe!”.

Ấy vậy mà từ đó về nhà người phải khỏi thuốc phiện là ông ta muốn ới, không ghiền nữa. Sau đó, chính ông bỏ tiền và vận động thêm mọi người mua đất lập Tịnh xá Ngọc Liên ở Cần Thơ cúng cho Tổ.

– Hay lắm! Vậy ông Thiện Minh ở đâu?

– Ông ta người Tàu, dân Quảng Châu, Phúc Kiến gì đó. Người Tàu họ làm kinh tế giỏi lắm, sư.

– A-di-đà Phật.

– Ông Thiện Minh người Việt gốc Hoa ở Long An, nhưng hãng xe Nhon Hòa của vợ chồng ông ở Cần Thơ, chắc sau 75 phải vô quốc doanh hết rồi... Nói chung đây là vài chuyện để mình nhận định Tổ của mình không phải là người thường!

Tôi nằm mỉm cười một mình trong cốc: khát sĩ Minh Đăng Quang là người thường đó chứ, tại mọi người không thường thôi! Cái thường của đức Tổ sư lại là cái phi thường của một siêu nhân, chuyện này còn phải bàn luận hay chứng minh gì nữa. Với người đã thấy tứ đại duyên khởi nảy sanh cái biết, qua dòng thời gian đa số các cái biết bị ác nghiệp giết chết đi, một số ít còn lại già dặn thành Phật; với người đã thấy được như thế là người có con mắt gì? Chính trong *Chơn Lý* cũng có hé lộ luôn rồi: “**Ai biết được tứ đại người đó là Phật!**”. Và trong *Bồ-tát Giáo*, chính tác giả đã ký tên là **Pháp vương Minh Đăng Quang – Nhiên Đăng thượng cô Phật – Giáo chủ cõi Ta-bà**, còn phải đi chứng minh gì nữa? Hàng Bồ-tát làm sao biết được hàng Phật, huống gì hàng phàm phu tục tử!

Sư Giác Pháp nói tiếp:

– Hòa thượng Minh Châu, một học giả lỗi lạc của Phật giáo Việt Nam trước 75, người đã dịch tạng kinh Pàli ra tiếng Việt,

Tôi ngắt lời sư:

– Phật giáo Nam tông Việt Nam rất biết ơn hòa thượng Minh Châu về việc này.⁴

–Ồ. Chính hòa thượng Minh Châu, sau khi xem xong bộ *Chơn Lý* của Tổ do hòa thượng Giác Toàn mang tặng, hòa thượng Minh Châu đã nhận xét rằng:

⁴ Đây là lời một vị giảng sư Phật giáo Nam tông Việt Nam nói.

“Thời của ngài Minh Đăng Quang là thời mà đa số kinh điển Phật giáo còn nằm trong Pàli tạng hay Hán tạng. Ấy vậy mà bộ *Chơn Lý* của ngài Minh Đăng Quang hàm chứa cả Đại thừa và Tiểu thừa. Những gì ngài Minh Đăng Quang viết hoàn toàn **không có sai khác** với hai tạng kinh điển Nam, Bắc Phật giáo. Nên tôi nghĩ rằng Đại đức Minh Đăng Quang không phải là người thường!”. Đó là những lời trò đã nghe các vị kể lại, có dịp sư gặp hòa thượng Giác Toàn hỏi lại xem.

Với nhận định Giáo pháp Khất Sĩ không có sai khác với hai tạng kinh điển Nam, Bắc Phật giáo, tôi thấy đúng là **không sai**, nhưng **có khác** nhiều đó. Ví dụ Giáo pháp Khất Sĩ có những đặc sắc:

- ❖ 24 giới chứ không phải 18 giới,
- ❖ Ngũ định chứ không phải Tứ thiền bát định,
- ❖ Bốn Niết-bàn chứ không phải hai Niết-bàn,
- ❖ Bảy đạo quả chứ không phải Tứ quả Thanh Văn và 52 quả Bồ-tát,
- ❖ Bảy pháp giải hòa khác với Thất diệt tránh pháp,
- ❖ Lục thiên thất tụ chứ không phải Ngũ thiên thất tụ,
- ❖ Đạo lý của ăn chay là Thiệt căn thanh tịnh chứ không phải chỉ trường dưỡng đức Từ bi và tránh nghiệp sát,
- ❖ Dùng Pháp tháp là chính chứ ít dùng Xá-lợi tháp,
- ❖ *Giới Phật Tử* được biên tập hay hơn *Giới Bồ-tát*,
- ❖ Hai bộ *Giới Bốn* được biên tập quá hay,
- ❖ Truyền giới Khất Sĩ phải do một hoặc hai tiểu giáo hội đảm trách chứ không phải do Tam sư và Thất tôn chứng,
- ❖ Bài học Sa-di có 19 bài Oai nghi chứ không phải 24 bài,
- ❖ Kinh nhật tụng bằng tiếng Việt chứ không mượn tiếng nước ngoài cho linh,
- ❖ Y bát Khất Sĩ khác hẳn y bát của Nam, Bắc tông Phật giáo,
- ❖ Thờ phượng bản tâm là hơn hẳn mọi cách thờ phượng,
- ❖ Có hai hạng Bồ-tát phàm và Thánh chứ không tính chỉ li 52 bậc,
- ❖ Lập Đoàn Du Tăng Khất Sĩ như thời Phật Thích-ca hành đạo, một điều mà chắc chưa có Phật giáo nước nào khác đã làm,
- ❖ Chơn lý *Diệt Lòng Ham Muốn* khác *Kinh 42 Chương*,
- ❖ Quan Công là tướng A-tu-la chứ không phải là Bồ-tát hộ pháp,
- ❖ Đức Di-lặc vẫn còn là Bồ-tát, đừng vội gọi là Phật,
- ❖ Lập thuyết Tứ đại duyên khởi...

Nghĩ thoáng qua những điều mà lâu nay đã chú ý, và tôi vẫn trả lời sư Pháp:

– Chuyện này trò đã nghe kể, mà câu kết trong nhận định của hòa thượng Minh Châu là: “Đại đức Minh Đăng Quang phải là một bậc Thánh mới viết được một tác phẩm như thế! Như tôi là một tiền sĩ Phật học cũng không viết được.”.

– Vậy hả? Có thể trò đã được nghe kể lại không chính xác lắm. Ngoài ra, trò còn có xem một quyển sách của mục sư Lê Trung Trực, vị này chắc ở Việt Nam.

– Dạ không, mục sư Lê Trung Trực ở Mỹ. Quyển *Tìm Hiểu Chơn Lý Của Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang* của mục sư lúc đầu trò thấy có xuất hiện ở Việt Nam, nhưng sau đã ngưng lưu hành do trong sách có một câu không thích hợp.

– À, trong sách đó, mục sư Lê Trung Trực đã khẳng định Đại đức Minh Đăng Quang là một vị Bồ-tát.

– A-di-đà Phật.

– Thật sự, mình chưa thấy ai trong vòng bảy, tám năm đã lập ra một hệ phái Phật giáo mà bây giờ đứng chân vạc ở Việt Nam là Bắc tông, Khất Sĩ và Nguyên Thủy. Số lượng Tăng, Ni và tịnh xá của Phật giáo Khất Sĩ hiện nay rất nhiều.



Một ngôi chùa Nam tông Khmer ở Nam Bộ



Và một ngôi chùa Nam tông người Kinh ở Tp. Hồ Chí Minh
(Chùa Bửu Long tại đường Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Q. 9.)

– Thật sự là bên Nam tông Việt Nam có khoảng 10.000 Tăng, nhưng Tăng của họ đa số là mấy ngàn thanh niên ra vô mỗi năm, còn số các vị hòa thượng, trưởng lão, đại đức tu lâu dài thì số này không nhiều.

– Ở số người tu gieo duyên thì đâu kể.

– Họ chỉ phát triển trong địa bàn người Khmer ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang... Số lượng của họ tuy chiếm một phần bốn của toàn quốc nhưng chủ lực chỉ là nhóm Nam tông người Kinh ít ỏi.

– À, bây giờ sư đang ở đâu?

– Lúc này trò đang ở Tịnh xá Ngọc Vân tại Trà Vinh của thượng tọa Giác Khang.

– Vậy ha. Thôi câu chuyện đến đây tạm đủ ha?

Tuy đã nói điện thoại ngoài 100 phút liền rồi, chuông báo giờ tu thiền giấc nửa đêm đã nổi lên rồi, nhưng tôi vẫn tranh thủ hỏi thêm:

– Thưa sư, trò xin hỏi thêm một, hai chi tiết để xác định nghe. Như sư kể rằng sư Giác Hoàng đã thấy Tổ ngồi trong cát-sô, thì khi đó Tổ mặc y hay mặc đồ tù?

– Mặc đồ tù và râu tóc không có cạo, sư Giác Hoàng nói vậy.

– Chuyện này cũng bình thường thôi. Mà trò còn nghe được một thông tin, để nói cho sư hay. Bên Pari, có người vô một thư viện lưu trữ của Pháp, tình cờ phát hiện trong những văn khố của Phòng Nhì Pháp ở Đông Dương còn lưu trữ tại đó, có một công văn ra lệnh cho Trung tướng Trần Văn Soái bắt ngài Minh Đăng Quang.

Sư Giác Pháp nói thản nhiên:

– Trò cũng có nghe điều này.

Tôi trình bày luôn nhận định của mình:

– Như vậy, Phòng Nhì Pháp mới chính là kẻ bắt ngài Minh Đăng Quang, Năm Lửa chỉ là người thừa hành thôi. Hồi đó tuy mang tiếng là Tổng Tư lệnh Quân đội Hòa Hảo chứ thật ra năm Lửa đã gần như ly khai Hòa Hảo, dựa lưng Pháp hoạt động rồi.⁵

Sư Giác Pháp ôn tồn cho biết:

– Chuyện này hòa thượng Giác Toàn cũng có biết đó, sư.

– Dạ. Phải chỉ có ai quen ở Pari, trò sẽ nhờ chụp tờ công văn đó gửi về làm tư liệu, và xem có phải do đại tá Ghi-bô, chỉ huy của Phòng Nhì ở Việt Nam lúc bấy giờ ký hay không?

Sư Giác Pháp bày tỏ sự thận trọng của một lão nhân:

⁵ Pháp đã từng có thành tích lưu đầy Hộ pháp Phạm Công Tắc của Cao Đài đến Madagascar, quản thúc ngài Huỳnh Phú Sổ hai năm rưỡi (3/1940 – 9/1942)... Pháp đã bắt giữ các vị đứng đầu các tôn giáo ở Việt Nam.

– Nói chớ lịch sử có nhiều ẩn khuất, không phải mình đọc một bộ hồ sơ mà biết hết. Vậy nên có khi thành thật quá lại làm mờ mịt thêm. Lịch sử có khi nằm ngoài văn kiện nữa, sư.

Tôi đồng ý:

– Trò vẫn biết vậy. Nhưng việc này nên nêu ra để xóa đi mặc cảm giữa hai bên Hòa Hảo và Khất Sĩ.

– Thật ra, Khất Sĩ từ trước tới giờ theo lời Phật dạy, đâu có đem tâm thù oán bao giờ. Nói chớ mĩa sâu có đốt, nhà dột có nơi...

– Dạ đúng vậy. Do Năm Lửa làm ăn với Pháp, nhờ cậy người ta nên phải làm việc giúp người ta thôi. Đến Thanh Sĩ là người thay thế ngài Huỳnh Giáo chủ hoàng pháp mà Năm Lửa còn nhắc nhở: “Pháp muốn tôi giam lỏng cậu Hai Nhỏ mấy tháng.”, thì ta có thể hiểu tình hình lúc đó. À, xin hỏi sư một chút nữa, Hàn Ôn nói Tổ ngộ đạo tại bờ biển Mũi Nai và đức A-di-đà thọ ký pháp hiệu Minh Đăng Quang cho Tổ tại Phú Mỹ, hai điều này hỏi đó sư nghe thế nào?

– Có nghe, nhưng không phải nghe chính Tổ nói mà do các sư lớn kể lại là Tổ đã cho biết như vậy.

– Dạ, cảm ơn sư. Và trò xin hỏi một câu nữa. Khi này sư kể những ngày cuối đi từ Sài Gòn về ngang Cần Thơ, xuống Long Xuyên, Châu Đốc... Trò đã qua Mỹ Tho hỏi quý hòa thượng đệ tử ngài Từ Huệ, hòa thượng Huệ Tâm nói ba ngày cuối Tổ ở Mỹ Tho thuyết pháp.

– À, trò nhớ là Tổ có ghé Mỹ Tho gặp sư Từ Huệ. Tức là xe qua khỏi Tân An có xuống Mỹ Tho, sư Từ Huệ có ra xe lễ Tổ... Mà không ở ba ngày liền, chỉ ghé thăm, ăn một bữa cơm rồi đi. Nếu ghé đó ba ngày, còn thời gian đâu cho Tổ và đoàn xe đi khắp nơi trong những ngày cuối tháng giêng năm đó?

Như vậy, những ngày cuối, Tổ sư Minh Đăng Quang đã đi một vòng miền Đông và miền Tây Nam bộ, có ghé lên núi Cẩm một lát, rồi về Ngọc Quang sắp xếp mọi việc, xong qua Cái Vồn trả nghiệp cho chúng sanh. **Tổ đã cố gắng làm tất cả để bảo vệ giáo hội non trẻ của ngài.** Trong khi Phòng Nhì Pháp e ngại những việc làm bác ái đại đồng của Đoàn Du Tăng Khất Sĩ vừa thành lập và chú ý đến sự hấp dẫn quần chúng của ngài Minh Đăng Quang từ mấy năm trước, thì ngài đã chủ động vào “Núi lửa” ngôi **hơn hai tháng**. Đến khi Pháp đã trắng tay tại Đông Dương (*thua trận Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954*), Hội nghị Genève bên Thụy Sĩ chính thức đưa vấn đề Đông Dương ra thảo luận thay cho vấn đề Triều Tiên chưa giải quyết được (*ngày 8/5/1954*), thì lúc đó đức ngài đã lặng lẽ đi mất (*ngày 9/5/1954*), vì không còn ai uy hiếp đến Tăng đoàn của ngài nữa cả!

Phải chăng, **ngày mùng 7 tháng 4 năm Giáp Ngọ 1954** mới thật sự là ngày đức Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng?
